

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÀ VINH
TRƯỜNG THPT TẬP SƠN

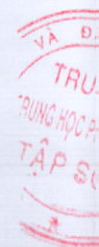
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tập Sơn, ngày 30 tháng 8 năm 2021

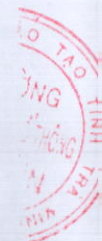
BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN THÁNG 9/2021
NĂM HỌC: 2021-2022

Số TT	Họ và tên	Môn	Dạy lớp	Thực dạy	Kiểm nhiệm	Tiết kiểm nhiệm	Tổng số tiết	Tổng số tiết quy định	Số tiết dư
Tổ Toán- Tin									
1	Nguyễn Thanh Lâm	Toán	12A1,5; 10A2	11	TTCM + CN12A5	4	15	17	-2
2	Lâm Văn Dũng	Toán	12A3,6; 11A2	12	CN12A6	4	16	17	-1
3	Tạ Thành Tươi	Toán	12A4,7 ; 10A1,10	14	TTCĐ + CN10A1	5	19	17	2
4	Phan Thái Hòa	Toán	12A9; 11A10,11	12	CN11A11	4	16	17	-1
5	Đinh Văn Thắng	Toán	12A2,8; 11A1,4	16	CTCĐ	3	19	17	2
6	Võ Văn Toàn	Toán	10A9,13;11A8,9	14	CN11A8	4	18	17	1
7	Nguyễn Thị Út	Toán	12A10 ; 11A3,7	12	BCHCĐ + CN12A10	5	17	17	0
8	Kim Minh Tha	Toán	10A5,6,7.	9	Kế toán	3	12	17	-5
9	Viên Thành Hiệp	Toán	10A8,11 ;11A5,6	14	CN11A6	4	18	17	1
10	Huỳnh Ngọc Lâm	Tin	12A1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	20			20	17	3
11	Nguyễn Thanh Khương	Toán - Tin	Toán 10A3,4; Tin 10A1,2,3,4,5.	16	TPCM + BCHCĐ	2	18	17	1
12	Tô Minh Dương	Toán - Tin	Toán 10A12; Tin 11A3,4,6,8 ;10A6,7,8,10,12.	21			21	17	4
13	Trần Oanh Thủy	Tin	11A1,2,5,7,9,10,11;10A9,11,13	20			20	17	3
Tổ Vật lý - KTCN									
14	Lâm Thanh Chiêu	Lý	12A3,4, CNghệ 12A1,2,3,4,5,6	10	TTCM + CN12A3	4	12	17	-5
15	Dương Trung Nguyên	Lý	11A1,10,11; 10A2,11	10	TPCM + CN11A11	5	15	17	-2

Số TT	Họ và tên	Môn	Dạy lớp	Thực dạy	Kiểm nhiệm	Tiết kiểm nhiệm	Tổng số tiết	Tổng số tiết quy định	Số tiết dư
16	Viên Chánh Tâm	Lý	12A2,5,7;11A5; Nghề 11A5	12	CN11A5	4	16	17	-1
17	Nguyễn Minh Kim	Lý	12A1,8,9,10; 11A2,4	12	CN11A4	4	16	17	-1
18	Nguyễn Văn Dũng	Lý	12A6; 10A3,9,12,13	10	CN10A12	4	14	17	-3
19	Mai Thị Nhân	Lý	10A1,7; 11A6,8,9	10	CN10A7	4	14	17	-3
20	Lâm Thị Ngọc Đang	Lý	10A4,5,6,8;11A7	10	TTCĐ + CN11A7	5	15	17	-2
21	Lê Thanh Tuấn	Lý	10A10;11A3; Nghề 11A3,4	9	PCTCĐ + CN10A10	4	13	17	-4
22	Huỳnh Văn Cần	KTCN	CN 11A1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	16.5			16.5	17	-0.5
23	Kim Phong	KTCN	CN 12A6,7,8,9,10, Nghề 11A1,2	11	Thiết bị	3	14	17	-3
Tổ Hóa học - Sinh - KTNN									
24	Trịnh Văn Dũng	Hóa	12A2,8; 11A3,5,7,9	12	TPCM + CN 12A2	4	16	17	-1
25	Trần Thị Hồng Nhi	Hóa	12A4,7; 11A1; 4,6,8,10	14	TTCĐ + CN 11A10	5	19	17	2
26	Nguyễn Thị Ngọc Hậu	Hóa	12A1,10; 10A5,6,7,8	14	TQ + CN 12A1	4	18	17	1
27	Phạm Thị Thúy Oanh	Hóa	12A3, 6; 10a2,4,9,12,13	14	BCHCĐ + CN 10A4	4	18	17	1
28	Huỳnh Văn Phê	Hóa	12A5,9; 10A1,3,10,11	12	GVCN 10A3	4	16	17	-1
29	Thạch Sa Phất	Hóa	11A2,11	4	BT Đoàn	14	18	17	1
30	Trang Bá Thiện	Sinh	12A1,4,9,10; 10A2,12, LV11A8,10	13	TTCM + CN12A4	4	17	17	0
31	Tiêu Trung Bình	Sinh	12A6,7,8;11A2,4,8	14	CN11A2	4	18	17	1
32	Lý Thanh Phong	Sinh	12A2,3,5;11A1,9, LV11A9	13	Tư vấn + CN11A9	4	17	17	0
33	Thạch Thành Danh	Sinh	11A3,5,6,7,11;10A11, LV 11A11	14	CN10A11	4	18	17	1
34	Liêng Thị Thanh Hữu	Sinh	10A1,3,4,5,6,7	6	PBTĐ + CN10A2	4	10	17	-7
35	Dương Phúc Em	Sinh	10A8,9,10,13; LV11A6,7,8	13	CN10A13	4	17	17	0
36	Lê Thị Hồng Loan	CN	10A1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13	13	YT, TTCĐ		13	17	-4



Số TT	Họ và tên	Môn	Dạy lớp	Thực dạy	Kiểm nhiệm	Tiết kiểm nhiệm	Tổng số tiết	Tổng số tiết quy định	Số tiết dư
Tổ : Văn- GDCD									
37	Kim Thị Ngọc Thắm	NV	12A1,10; 11A3,4,5	18	TTCM	3	21	17	4
38	Trang Thị Thu Liễu	NV	12A2,9; 11A1,2,10,11	22			22	17	5
39	Chung Minh Hùng	NV	12A3,8; 11A6,7,8,9	22			22	17	5
40	Lê Quốc Trâm	NV	12A4,7; 10A1,10,11,12	18	BTTND	2	20	17	3
41	Thạch Hùng	NV	12A5,6; 10A5,6,7,8,9	21			21	17	4
42	Huỳnh Thị Hồng Nhung	NV	10A2,3,4	9	Văn thư	8	17	17	0
43	Kim Thị Xa Bát	CD	12A1,2,3,7,8; 11A6,7,8,9,10,11	11	TPCM + TTCĐ +CNA12A7	4	15	17	-2
44	Từ Thanh Hưng	CD	12A4,9,10; 11A1,2,3,4,5,6	9	CN11A3	4	13	17	-4
45	Nguyễn Văn Trắc	CD	12A,5,6; 10A1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13	14			14	17	-3
Tổ Lịch Sử- Địa Lí									
46	Nguyễn Thị Khuyên	Địa Lí	12A1,2,9,10; 10A7,9,10,11,12	18	Tổ trưởng	3	21	17	4
47	Nguyễn Thị Kim Oanh	Địa Lí	12A7,8; 11A1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	15	CN12A8	4	19	17	2
48	Ngô Thị Phương Thảo	Địa Lí	10A2,3,4,5,6	10	Thư viện, TTCĐ	4	14	17	-3
49	Thạch Châm Rưone	Địa Lí	12A3,5; 10A1,8,13	14	CN 10A8		14	17	-3
50	Lê Vũ Triều	Lịch Sử	12A7,8,9;11A 1,2,3,10,11	11	TPCM + CN12A9	4	15	17	-2
51	Trần Thị Kiều Oanh	Lịch Sử	12A2,6,10; 10A1,6,7,11,12	11	CN10A6	4	15	17	-2
52	Thạch Thị Kim Ngọc Hương	Lịch Sử	12A1,3,4,5;10A2,3,5,13	12	CN10A5	4	16	17	-1
53	Thạch Chanh	Lịch Sử	11A4,5,6,7,8,9; 10A4,8,9,10	10	CN 10A9	4	14	17	-3
Tổ tiếng Anh									
54	Kim Hươe	AV	12A10 + HN K12	3	Hiệu trưởng		3	2	1
55	Nguyễn Huy Hoàn	AV	12A2,7; 10A1,12; 11A6,9	18			18	17	1
56	Lâm Thị Diễm Kiều	AV	12A5,9; 11A1,2,7	15	TTCM	3	18	17	1
57	Nguyễn Thị Ngọc Linh	AV	12A1,6; 10A4,5,9,10	18			18	17	1



Số TT	Họ và tên	Môn	Dạy lớp	Thực dạy	Kiểm nhiệm	Tiết kiểm nhiệm	Tổng số tiết	Tổng số tiết quy định	Số tiết dư
58	Phạm Thị Hồng Muội	AV	11A4,5,8,10,11	15			15	17	-2
59	Lâm Thị Thanh Nhanh	AV	12A4; 10A2,3,7,8	15			15	17	-2
60	Trần Thị Thanh Tuyền	AV	12A3,8; 10A6,11,13; 11A3	18			18	17	1
Tổ Thể dục - Quốc phòng									
61	Kim Rinh	TD	12A1,2,3,4,5,6; 10A3	14	TTCM	3	17	17	0
62	Sơn Bảo Lâm	TD	12A7,8,9,10; 10A1,2,11,12,13	18			18	17	1
63	Lâm Thị Kiều Oanh	TD	11A1,2,9,10,11; 10A7,8,9,10	18			18	17	1
64	Nguyễn Thị Trinh	TD	11A3,4,5,6,7,8; 10A4,5,6	18			18	17	1
65	Kim Trí	QP	12A1,2,3,4,5,6,7,8,9,10; 11A5,6,7,8,9,10,11	17			17	17	0
66	Nguyễn Văn Hải	QP	10A1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13; 11A1,2,3,4	17			17	17	0
67	Trần Thanh Long	Địa Lí	12A4,6; HN 11A8,9,10,11	4	PHT		4	4	0



HIỆU TRƯỞNG

Kim Huệ